

Số: 42 /QĐ-NVX

Đông Gia Nghĩa, ngày 28 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Kế hoạch giáo dục năm học 2026–2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VIỆT XUÂN

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 4120/QĐ-UBND ngày 14/08/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của UBND phường Đông Gia Nghĩa về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn phường Đông Gia Nghĩa tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ công văn số 4639/SGDDĐT-GDTH ngày 05/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2026-2027;

Căn cứ tình hình thực tế về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ giáo dục của Trường Tiểu học Nguyễn Việt Xuân năm học 2026–2027;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026–2027 của Trường Tiểu học Nguyễn Việt Xuân (có Kế hoạch giáo dục kèm theo)

Điều 2. Các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn, Tổ trưởng Tổ Văn phòng, giáo viên, nhân viên và các cá nhân có liên quan căn cứ Kế hoạch giáo dục nhà trường được ban hành kèm theo Quyết định này để tổ chức thực hiện.

Điều 3. Các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn, Tổ trưởng Tổ Văn phòng, giáo viên, nhân viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hải Yến

Đông Gia Nghĩa, ngày 28 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2026 - 2027

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT/BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 4120/QĐ-UBND ngày 14/08/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của UBND phường Đông Gia Nghĩa về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn phường Đông Gia Nghĩa tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ công văn số 4639/SGDDĐT-GDTH ngày 05/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2026-2027;

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nhà trường.

B. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2026-2027

I. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Phường Đông Gia Nghĩa là phường trung tâm, có vị trí thuận lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Đảng ủy, UBND phường; sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân các cấp; sự phối hợp của các ngành, đoàn thể; đặc biệt là tinh thần đoàn kết, đồng thuận, nỗ lực vươn lên của Nhân dân, tình hình kinh tế – xã hội của địa phương từng bước đi vào ổn định.

Tuy nhiên do địa bàn phường trải rộng, có nhiều dân tộc anh em sinh sống; đời sống kinh tế của nhân dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, còn gặp nhiều khó khăn; trình độ văn hóa, nhận thức của nhân dân không đồng đều. Công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn vẫn còn nhiều hạn chế, việc huy động các nguồn lực xã hội gặp nhiều khó khăn.

II. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2026-2027

Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân được thành lập sau khi sáp nhập Trường TH Nguyễn Viết Xuân và trường TH Trần Quốc Toàn theo Quyết định số 1396 ngày 27 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Đông Gia Nghĩa. Trường có trụ sở chính đặt tại Số 52, đường Hoàng Thế Thiện, tổ dân phố Nghĩa Thuận, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng; Phân hiệu 1 tại Tổ dân phố Nghĩa Trung, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể, cùng với sự phối hợp, đồng hành của cha mẹ học sinh và Nhân dân địa phương, tạo nền tảng quan trọng để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

1. Đặc điểm học sinh của trường:

Năm học 2026-2027 tổng số học sinh toàn trường là 703 em biên chế thành 21 lớp, cụ thể như sau:

Bảng thống kê học sinh toàn trường năm học 2026-2027:

Khối	TSHS	Nữ	DTTS	Nữ DT	HSKT
1	110	59	16	6	1
2	166	86	25	7	0
3	129	57	25	11	0
4	146	71	23	13	1
5	152	63	30	14	1
Tổng	703	336	119	51	3

Tỷ lệ bình quân học sinh/lớp: 33 em.

Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

Học sinh được học 9 buổi/tuần: 703 em đạt 100%

Học sinh chủ yếu là con em lao động phổ thông, nhiều gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đời sống không ổn định; một bộ phận lớn là dân di cư từ địa phương khác đến, trình độ dân trí còn hạn chế. Nhiều phụ huynh đi làm nương rẫy xa, chưa có điều kiện quan tâm đến việc học tập của con em; nhận thức về xã hội hóa giáo dục còn nhiều hạn chế.

2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý:

Tổng số biên chế: 38 (Cán bộ quản lý: 03; Giáo viên: 31; Nhân viên: 04).

Hợp đồng: 04 (Giáo viên: 02; Nhân viên: 02).

Trình độ chuyên môn

	Số lượng	Thạc sĩ		Đại học		Cao đẳng		Trung cấp		Khác	Đảng viên	Trình độ LLCT
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
CBQL	3	1	33	2	67						3	3
GV	32			32	100						25	6

TPTĐ	1			1	100						1	
NV	6			2	50			2	50	2	04	
Cộng	42	1	2,4	37	88			2	4,8	4,8	33	9

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, đa số đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Tuy nhiên, việc tiếp cận công nghệ thông tin còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc đổi mới phương pháp dạy học và chất lượng giảng dạy.

3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

* Điểm trường chính:

+ Khối phòng học và phục vụ học tập: có 16 phòng, trong đó, 08 phòng kiên cố và 08 phòng bán kiên cố. Được bố trí 10 phòng học văn hóa/10 lớp; 04 phòng học bộ môn; 02 phòng phục vụ học tập khác (thư viện, phòng phục vụ khác).

+ Khối phòng hành chính và phòng chức năng khác: có 11 phòng. Trong đó, nhà Hiệu bộ có 06 phòng, gồm 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng họp Hội đồng, 01 Văn phòng, 01 phòng y tế, 01 phòng thiết bị; số còn lại 05 phòng gồm 01 phòng truyền thống và hoạt động Đội, 01 phòng bảo vệ, 03 phòng phục vụ công tác bán trú và phục vụ hỗ trợ khác.

* Phân hiệu 1:

+ Khối phòng học và phục vụ học tập: có 18 phòng, trong đó, 18 phòng kiên cố. Được bố trí 11 phòng học văn hóa/11 lớp; 4 phòng học bộ môn (01 phòng Tiếng Anh, 01 phòng tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật); 3 phòng phục vụ học tập khác (thư viện, thiết bị, phòng phục vụ khác).

+ Khối phòng hành chính và phòng chức năng khác: có 7 phòng bán kiên cố. Trong đó, nhà Hiệu bộ có 4 phòng, gồm 01 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng BV, 01 phòng họp Hội đồng, 01 phòng Văn thư ; 03 phòng phục vụ công tác bán trú và phục vụ hỗ trợ khác.

Các công trình xây dựng khác và các trang thiết bị máy móc, bàn ghế cơ bản đủ để bố trí cho việc tổ chức dạy học năm học 2026-2027.

C. NHIỆM VỤ CHUNG:

Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018; xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường, tổ chức dạy học 02 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tế. Đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá; tăng cường sinh hoạt chuyên môn, giáo dục STEM/STEAM và nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

Rà soát, bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực ứng dụng

công nghệ. Khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; bảo đảm hoạt động nhà trường sau sáp nhập ổn định, thống nhất và hiệu quả.

Đổi mới công tác quản lý, điều hành theo hướng dân chủ, công khai và hiệu quả. Tiếp tục triển khai học bạ số, ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển năng lực số và giáo dục trí tuệ nhân tạo sao cho an toàn, hiệu quả, có trách nhiệm; thực hiện giảm hồ sơ, thủ tục hành chính theo quy định.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, dân chủ và kỷ cương; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, phòng chống bạo lực học đường và tai nạn thương tích. Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ, giám sát và trách nhiệm giải trình trong nhà trường.

Nâng cao chất lượng giáo dục lớp 5, theo dõi và hỗ trợ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học theo quy định. Phối hợp với cha mẹ học sinh và các trường trung học cơ sở chuẩn bị tâm thế, kiến thức, kỹ năng cho học sinh chuyển tiếp lên cấp học mới.

Duy trì các tiêu chí, tiêu chuẩn của trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

D. NHIỆM VỤ CỤ THỂ:

I. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an toàn trường học, xây dựng văn hóa học đường và tăng cường quản lý đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử và kỷ cương trường học; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo, bạo lực học đường, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của nhà giáo và học sinh.

Thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tai nạn, mất an toàn thực phẩm, tệ nạn và nguy cơ trên không gian mạng; xây dựng phương án ứng phó, xử lý kịp thời các tình huống mất an toàn. Bảo đảm an toàn đối với học sinh bán trú, học sinh ở xa gia đình.

Quản lý chặt chẽ việc ăn, ở, sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe, tư vấn tâm lý, phòng chống bạo lực, xâm hại, kỳ thị và phân biệt đối xử. Tăng cường kiểm tra công tác tổ chức bán trú, đặc biệt là bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm.

II. Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng dạy học, kiểm tra, đánh giá

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

Xây dựng và triển khai Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm đúng quy định, phù hợp điều kiện thực tế, có tính khoa học, sư phạm và khả thi. Thực hiện đầy đủ nội dung, thời lượng chương trình; không cắt giảm, dồn ép hoặc thực hiện hình thức.

Việc tổ chức dạy học và đánh giá học sinh bảo đảm thực chất, không áp đặt chỉ tiêu về tỷ lệ học sinh giỏi hoặc các yêu cầu thành tích gây áp lực không phù hợp đối với học sinh và giáo viên.

Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sử dụng bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” theo danh mục sách giáo khoa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng. Chủ động vận dụng linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, bảo đảm yêu cầu cần đạt của chương trình.

Thực hiện tổ chức dạy học 02 buổi/ngày, 09 buổi/tuần, 32 tiết/tuần, mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết, thời lượng mỗi tiết 35 phút. Xây dựng thời khóa biểu khoa học, cân đối giữa các môn học và hoạt động giáo dục; bố trí thời gian hợp lý cho học tập, rèn luyện, vui chơi và phát triển năng khiếu. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tìm hiểu về tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử và truyền thống địa phương; tạo cơ hội để học sinh phát huy sở thích, năng khiếu, củng cố kiến thức và hoàn thành yêu cầu học tập. Việc tổ chức dạy học 02 buổi/ngày bảo đảm phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và điều kiện thực tế của nhà trường, hướng đến mục tiêu giáo dục toàn diện.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch tổ chức bán trú phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, bảo đảm sự thống nhất, tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh, đồng thời tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục. Hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau buổi học sáng đến trước khi bắt đầu buổi học chiều, gồm tổ chức ăn trưa, nghỉ trưa và quản lý, chăm sóc học sinh. Chú trọng giáo dục học sinh các kỹ năng tự phục vụ, giữ gìn nề nếp, tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, chia sẻ và yêu thương; đồng thời bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, dinh dưỡng và sức khỏe trong suốt thời gian học sinh tham gia bán trú.

2. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức của học sinh; tăng cường thực hành, trải nghiệm và giải quyết vấn đề phù hợp với yêu cầu cần đạt.

Chỉ đạo tổ chuyên môn hướng dẫn giáo viên thiết kế và tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp; tăng

cường ứng dụng công nghệ số, khai thác hiệu quả học liệu số, trí tuệ nhân tạo và tài nguyên giáo dục mở theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

Chú trọng củng cố năng lực tiếng Việt, nhất là kỹ năng đọc, viết; năng lực tính toán, giao tiếp, tự phục vụ, tự học và nền nếp học tập cho học sinh lớp Một, lớp Hai. Đối với học sinh còn hạn chế về tiếng Việt, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có hoàn cảnh khó khăn, nhà trường tổ chức hỗ trợ kịp thời, phù hợp trong quá trình dạy học, giúp học sinh từng bước đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và tạo cơ hội phát triển học sinh có năng khiếu.

Tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng khoa học công nghệ, thiết bị dạy học và học liệu số. Phối hợp với các cơ sở văn hóa, thể thao, đơn vị quản lý di sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng tại địa phương; khai thác phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp ở địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục. Hoạt động phải có mục tiêu giáo dục rõ ràng, bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp lứa tuổi, không hình thức, không làm phát sinh chi phí không cần thiết hoặc tạo áp lực đối với học sinh và cha mẹ học sinh.

Kiện toàn các tổ chuyên môn, phân công đội ngũ hợp lý và thiết lập cơ chế sinh hoạt chuyên môn thống nhất giữa trường chính, phân hiệu; tăng cường sinh hoạt chuyên môn trực tiếp kết hợp trực tuyến, bảo đảm hoạt động dạy học liên tục, đồng bộ, phù hợp với quy mô, điều kiện của nhà trường.

b) Đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; tổ chức kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, khách quan, công bằng, thực chất, vì sự tiến bộ của học sinh. Kết hợp đánh giá thường xuyên và định kỳ, bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018; chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, hạn chế ghi nhớ máy móc, học thuộc và làm bài theo khuôn mẫu.

Phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp yêu cầu cần đạt; phân tích, sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh dạy học, hỗ trợ học sinh chưa đạt, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và phối hợp với cha mẹ học sinh.

Thực hiện nghiêm túc việc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm theo từng đối tượng, không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; khen thưởng đúng đối tượng, thực chất, đúng quy định, tránh hình thức, tràn lan. Thực hiện công khai chất lượng giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

a) Thực hiện nội dung giáo dục địa phương và tích hợp giáo dục theo chương trình phổ thông

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch dạy học tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lâm Đồng cấp Tiểu học theo Công văn số 623/SGDDĐT-GDTH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về điều chỉnh các nội dung, chủ đề trong tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Đắk Nông từ lớp 1 đến lớp 5 đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt trước sáp nhập; thực hiện cho đến khi tài liệu giáo dục địa phương mới được UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức tập huấn và có hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Tổ chức rà soát, lựa chọn và tích hợp phù hợp các nội dung giáo dục trong các môn học và hoạt động giáo dục, bảo đảm thiết thực, không làm tăng tải chương trình, gắn với đặc điểm học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường. Tập trung vào: quyền con người; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; STEM, năng lực và kỹ năng công dân số; nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; bình đẳng giới; chăm sóc mắt và phòng, chống mù lòa; truyền thống văn hóa dân tộc; chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai cùng các nội dung khác theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Hoạt động trải nghiệm

Tổ chức đa dạng, linh hoạt các hoạt động trải nghiệm, hoạt động tập thể, ngoại khóa và giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp Chương trình GDPT 2018, điều kiện nhà trường và đặc điểm học sinh; chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống, khả năng giao tiếp, hợp tác, sáng tạo và vận dụng kiến thức vào thực tiễn; bảo đảm thiết thực, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.

Đổi mới hoạt động Đội, tập trung giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị sống, kỹ năng tự phục vụ, chăm sóc và bảo vệ bản thân; giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kỹ năng quản lý tài chính cá nhân, phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường và xâm hại trẻ em; gắn với giáo dục văn hóa, lịch sử, truyền thống và địa phương.

Thực hiện hiệu quả giáo dục thể chất, y tế trường học; duy trì thể dục giữa giờ, múa hát sân trường, trò chơi dân gian, võ cổ truyền và các hoạt động rèn luyện sức khỏe phù hợp. Tăng cường giáo dục vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp, bảo vệ môi trường; xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Tổ chức các ngày hội, hoạt động giao lưu, sự kiện giáo dục và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm học như: Lễ khai giảng, Vui tết Trung thu, An toàn giao thông, STEM/STEAM, Hùng biện Tiếng Anh, Ngày hội Sách và Văn hóa đọc, Hội Xuân,

Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ hoàn thành chương trình tiểu học, Lễ tổng kết và các hoạt động phù hợp khác.

Phát triển văn hóa đọc thông qua hội thi kể chuyện theo sách, Ngày hội đọc sách, “Quyển sách em yêu”, giới thiệu và chia sẻ sách trong sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp; xây dựng lịch đọc sách, tủ sách lớp học, tủ sách dùng chung, thư viện và tủ sách lưu động; vận động bổ sung sách phù hợp, góp phần hình thành thói quen đọc, phát triển ngôn ngữ, tư duy và năng lực tự học cho học sinh.

c) Thực hiện giáo dục STEM/STEAM

Tổ chức giáo dục STEM/STEAM phù hợp với mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông, điều kiện nhà trường và năng lực học sinh, thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; gắn với môn học, hoạt động giáo dục, chuyên đề học tập, hoạt động trải nghiệm STEM. Chú trọng hình thành tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; kết hợp giáo dục STEM với phát triển năng lực số cho học sinh thông qua các chủ đề, bài học có ứng dụng công nghệ số, công cụ số và trí tuệ nhân tạo phù hợp. Khuyến khích khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu hiện có và các nguồn tư liệu phù hợp tại địa phương. Không tổ chức giáo dục STEM theo phong trào, nặng sản phẩm trình diễn, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

Số lần tổ chức bài học STEM/STEAM là 06 bài học/năm học/lớp học.

Thực hiện 2 Chuyên đề Stem/Steam trong năm học.

d) Giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo

Tổ chức giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo và an toàn mạng phù hợp theo Khung năng lực số, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông và các hướng dẫn liên quan. Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số. Kết quả giáo dục năng lực số được xác định theo yêu cầu cần đạt tại văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; kết quả giáo dục trí tuệ nhân tạo được xác định theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT

Thực hiện 2 chuyên đề dạy học tích hợp AI và 2 chuyên đề tích hợp năng lực số.

e) Tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

** Tổ chức dạy học tiếng Anh và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ*

Từng bước tổ chức dạy học và sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo Đề án của Chính phủ, kế hoạch của Bộ GDĐT, UBND tỉnh và của

Sở GDĐT phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và đối tượng học sinh. Mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường

- Đối với lớp 1 và lớp 2: Triển khai thực hiện dạy học môn Ngoại ngữ 1 tự chọn với thời lượng 2 tiết /tuần.

- Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5: Triển khai thực hiện dạy học môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc với thời lượng 4 tiết /tuần.

** Tổ chức dạy học môn Tin học*

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, 4, 5 theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đồng thời tổ chức dạy học làm quen môn Tin học cho học sinh lớp 1 và lớp 2 với thời lượng 1 tiết /tuần.

g) Tăng cường giáo dục nghệ thuật

Tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ, sân chơi và trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích học sinh sáng tạo, biểu diễn, cảm thụ nghệ thuật; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, bản sắc dân tộc và địa phương; tiếp cận có chọn lọc nghệ thuật đương đại phù hợp với lứa tuổi.

h) Giáo dục thể chất và y tế trường học

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sức khỏe học đường; huy động sự tham gia của trạm y tế, các tổ chức chính trị - xã hội, cha mẹ học sinh và cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh. Tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học; chú trọng rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe và phòng, chống tai nạn, thương tích. Rà soát, bố trí đội ngũ, cơ sở vật chất, sân bãi và thiết bị để tổ chức các môn thể thao tự chọn phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của học sinh và điều kiện thực tiễn nhà trường.

i) Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; hình thành ở học sinh các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, lòng yêu nước, ý thức thượng tôn pháp luật, khát vọng cống hiến và trách nhiệm xã hội phù hợp lứa tuổi học sinh

4. Thực hiện giáo dục bắt buộc, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

a) Thực hiện giáo dục bắt buộc

Rà soát, điều tra và cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin trẻ em, học sinh trong độ tuổi giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục theo địa bàn dân cư; theo dõi tình trạng đi học, chưa đi học, bỏ học, chuyển đi, chuyển đến và các trường hợp cần hỗ trợ, bảo đảm thống nhất với cơ sở dữ liệu của ngành.

Tăng cường công tác tuyên truyền, huy động và duy trì sĩ số; kịp thời phối hợp xử lý các trường hợp học sinh có nguy cơ bỏ học, học sinh bỏ học. Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ; thực hiện đầy đủ hồ sơ, sổ sách, minh chứng, cập nhật dữ liệu thường xuyên và lưu trữ khoa học, đúng quy định; thực hiện đúng quy trình kiểm tra, đánh giá và công nhận kết quả phổ cập giáo dục.

b) Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

Rà soát, phân loại và kịp thời hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn việc học, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật; thực hiện hiệu quả giáo dục hòa nhập, tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, tạo điều kiện để mọi học sinh được tiếp cận giáo dục bình đẳng và phát triển phù hợp với khả năng.

Thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng và kịp thời các chính sách hỗ trợ; bảo đảm các điều kiện học tập cần thiết, đồng thời phối hợp với gia đình và các lực lượng liên quan để tháo gỡ khó khăn về kinh tế, địa lý, ngôn ngữ, khuyết tật và biến động dân cư. Tập trung các giải pháp duy trì sĩ số, hạn chế bỏ học, nâng cao kết quả học tập và hỗ trợ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục.

c) Thực hiện giáo dục đối với học sinh khuyết tật

Thực hiện giáo dục học sinh khuyết tật theo quy định, xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với khả năng, nhu cầu và mức độ khuyết tật của từng học sinh; vận dụng các nội dung đã được tập huấn theo Kế hoạch số 287/SGDDT ngày 31/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo. Sắp xếp học sinh học hòa nhập phù hợp quy định, mỗi lớp không quá 02 học sinh khuyết tật; bố trí giáo viên có kinh nghiệm, quan tâm, hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập và tham gia các hoạt động giáo dục.

Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở y tế, tổ chức xã hội và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục, phục hồi chức năng và hỗ trợ học sinh hòa nhập; tạo cơ hội để học sinh tham gia các hoạt động giao lưu, trải nghiệm, ngoại khóa phù hợp với khả năng. Khuyến khích giáo viên các lớp có học sinh khuyết tật tham gia chuyên đề, bồi dưỡng về phương pháp giáo dục, tâm lý và kỹ năng hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập.

Thường xuyên rà soát, cập nhật chính xác thông tin học sinh khuyết tật trên cơ sở dữ liệu ngành và hệ thống quản trị nhà trường; theo dõi quá trình học tập, rèn luyện và nhu cầu hỗ trợ để kịp thời điều chỉnh kế hoạch. Giáo viên chủ động nắm bắt hoàn cảnh gia đình, phối hợp nhà trường thực hiện các chính sách và hỗ trợ thiết yếu như bảo hiểm y tế, học bổng, quà hỗ trợ, đồng phục và các hình thức trợ giúp phù hợp, góp phần bảo đảm điều kiện học tập và cơ hội phát triển cho học sinh.

5. Kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả chất lượng sinh hoạt chuyên môn

Tiếp tục kiện toàn tổ chức, các tổ chuyên môn và phân công đội ngũ hợp lý sau sáp nhập; thống nhất cơ chế quản lý, điều hành và sinh hoạt chuyên môn giữa trụ sở chính và phân hiệu. Tăng cường phối hợp, chia sẻ chuyên môn, sử dụng linh hoạt hình thức sinh hoạt trực tiếp kết hợp trực tuyến, bảo đảm hoạt động dạy học liên tục, đồng bộ, phù hợp với quy mô và điều kiện của nhà trường.

Triển khai hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học đảm bảo nghiêm túc, thiết thực, chất lượng, hiệu quả, tránh phô trương hình thức. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng giáo viên để trống tiết dạy đi dự giờ, tham gia các hoạt động khác; khi tổ chức các hoạt động không gây áp lực cho giáo viên và không làm ảnh hưởng học tập của học sinh.

6. Đổi mới quản trị nhà trường, chuyển đổi số và học bạ số

Đẩy mạnh đổi mới quản trị và chuyển đổi số trong hoạt động nhà trường; từng bước số hóa hồ sơ, tinh giản thủ tục hành chính theo quy định, tăng cường công khai, dân chủ, trách nhiệm giải trình, bảo vệ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin. Không phát sinh hồ sơ, sổ sách, kế hoạch ngoài quy định hoặc không phục vụ thiết thực công tác quản lý, chuyên môn; giảm các cuộc họp, hoạt động, phong trào mang tính hình thức, tạo điều kiện để giáo viên tập trung giảng dạy và hỗ trợ học sinh.

Thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo về ứng dụng công nghệ số trong quản lý, dạy học và đánh giá; cập nhật 100% học sinh có học bạ số đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo đảm kết nối với Cơ sở dữ liệu Học bạ số của Bộ Giáo dục và Đào tạo và liên thông với cơ sở dữ liệu ngành. Khai thác hiệu quả dữ liệu số trong quản trị, đồng thời không yêu cầu học sinh, cha mẹ học sinh cung cấp lại những thông tin đã có trên hệ thống.

7. Phong trào thi đua và truyền thông giáo dục

Tổ chức các phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tiễn, gắn với nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng môi trường học tập tích cực. Tiếp tục xây dựng trường học “Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn”; đẩy mạnh truyền thông về đổi mới giáo dục, chuyển đổi số, các hoạt động của nhà trường, gương người tốt, việc tốt và các mô hình, điển hình hiệu quả; bảo đảm nội dung truyền thông chính xác, tích cực và phù hợp.

Duy trì và phát triển các trang truyền thông của nhà trường như: trang facebook Liên Đội trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân; Trang facebook Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân phường Đông Gia Nghĩa tỉnh Lâm Đồng; Website: <http://c1nguyenvietxuan.pgdgianghia.edu.vn/>; Các hội nhóm zalo, ...

III. Các chỉ tiêu về giáo dục học sinh cuối năm học:

1. Kết quả các môn học và hoạt động giáo dục:

(Có bảng đăng ký chất lượng kèm theo)

2. Công tác phổ cập giáo dục:

- + Vận động học sinh trong độ tuổi nhập học đạt tỷ lệ: 98 % trở lên.
- + Học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ: 98% trở lên.
- + Học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học: dưới 2%, không có học sinh chưa hoàn thành 2 năm liền; không để tình trạng học sinh bỏ học.

3. Các phong trào, hội thi thực hiện trong năm

- Phát động phong trào trồng hoa, cây cảnh trang trí trường lớp chào mừng ngày 20/11.
- Thi Hùng biện Tiếng Anh lớp 3,4,5. (Tháng 12/2026)
- Thi “Viết chữ đẹp học sinh” (Tháng 2/2027)
- Thi Sản phẩm sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng. (Tháng 3/2027)
- Vẽ tranh trang trí hành lang lớp học. (Tháng 3/2027)
- Thi lớp “Giữ vở sạch- viết chữ đẹp” (Tháng 4/2027)
- Thi “ Giao lưu tiếng Việt của chúng em”. (Theo VB cấp trên)
- Tổ chức các hoạt động vui Tết đón xuân, ngày hội đọc sách, ngày thiếu nhi vui khỏe phù hợp điều kiện thực tế nhà trường trên với tinh thần tự nguyện, tiết kiệm, hiệu quả, không gây áp lực cho giáo viên và học sinh.
- Tham gia đầy đủ và hiệu quả các Hội thi do cấp trên tổ chức trong năm học.

4. Kết quả các hoạt động giáo dục khác:

- + 100% học sinh thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy.
- + 100 % các lớp học và học sinh triển khai thực hiện tốt các phong trào thi đua: “Xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện”; trường học bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích học sinh, phòng chống bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội khác; nâng cao ý thức học sinh về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch, bệnh; quyết tâm thực hiện phong trào trường học “nói không với rác thải nhựa”.
- + 100% học sinh chấp hành tốt kỷ luật, nội quy nhà trường, nội quy lớp học, có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản của công.
- + 100% học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh, tham gia tốt các hoạt động Đội TNTPHCM, Sao ND HCM; tham gia đầy đủ các phong trào hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khóa.
- + 100% học sinh các lớp hưởng ứng tốt phong trào thi đua “Giữ vở sạch - viết chữ đẹp”, có từ 70% số học sinh trở lên ở các lớp đạt yêu cầu tiêu chuẩn về vở sạch, chữ đẹp; tham gia các hội thi viết chữ đẹp cấp trường và các cấp tổ chức.

IV. Các chỉ tiêu đối với giáo viên:

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đầy đủ việc tự học, tự bồi dưỡng và tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

100% chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành và nội quy, quy chế của nhà trường; thực hiện nghiêm túc lễ lễ, tác phong, kỷ luật lao động.

100% thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giữ gìn phẩm chất, đạo đức nhà giáo, không có trường hợp vi phạm đạo đức nhà giáo.

100% tham gia đầy đủ, thực hiện hiệu quả các kế hoạch, cuộc vận động, phong trào thi đua của nhà trường, ngành và địa phương; chú trọng phong trào “Dạy tốt, học tốt”.

100% giáo viên cam kết không vi phạm quy định về dạy thêm; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng theo hướng công khai, dân chủ, thực chất; phát huy vai trò của các đoàn thể và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trong tuyên truyền, tổ chức, kiểm tra, giám sát và đề xuất khen thưởng.

Tham mưu thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng; bảo đảm việc đánh giá giáo viên dựa trên chất lượng, hiệu quả, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và sự tiến bộ chuyên môn, không chạy theo số lượng hoặc chỉ tiêu mang tính cơ học.

*** Chỉ tiêu chuyên môn**

- Thực hiện dự giờ, nghiên cứu bài học và hỗ trợ chuyên môn theo kế hoạch, nhu cầu thực tế; không giao chỉ tiêu số tiết dự giờ cơ học đối với giáo viên.

- Thực hiện 2 chuyên đề Stem/Steam; 2 chuyên đề dạy học tích hợp AI; 2 chuyên đề dạy học tích hợp năng lực số; 1 chuyên đề đọc sách.

- Sinh hoạt tổ chuyên môn: 1 tháng 2 lần do tổ trưởng chủ trì;

- Hướng dẫn HS làm sản phẩm sáng tạo: 5 sản phẩm/5 khối.

- Kiểm tra, đánh giá hoạt động chuyên môn của giáo viên theo kế hoạch kiểm tra nội bộ, bảo đảm khách quan, hỗ trợ phát triển năng lực nghề nghiệp.

- Kiểm tra hoạt động của tổ chuyên môn: 3/3 tổ (100%);

- Kiểm tra chuyên đề, đột xuất 100% giáo viên;

- Duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học.

- Thi tiết đọc thư viện. (Theo VB cấp trên)

- Thi GVCN giỏi. (Theo VB cấp trên)

- Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên cuối năm học: có từ 80% giáo viên đạt loại Khá trở lên, trong đó ít nhất 30% loại Tốt; còn lại Đạt.

- Kết quả đánh giá cán bộ, viên chức hằng năm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 20% trở lên; hoàn thành tốt nhiệm vụ 70% trở lên; còn lại hoàn thành nhiệm vụ.

- Đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: 100% đạt loại Tốt.

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn do các cấp ngành tổ chức.

- Tích cực hưởng ứng các cuộc vận động, tham gia đầy đủ các phong trào thi đua do nhà trường và các cấp ngành, địa phương tổ chức.

*** Xét đề nghị các danh hiệu thi đua năm học:**

- Lao động tiên tiến: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Chiến sĩ thi đua các cấp: đối với các đồng chí đạt đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn của các cấp về thi đua, khen thưởng.

- Bằng khen cấp tỉnh: đối với các đồng chí đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

- Danh hiệu tập thể: Tập thể Lao động xuất sắc.

*** Các đoàn thể trong nhà trường:**

- Liên đội: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

V. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học 2026-2027

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Phụ lục 1.1)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và hoạt động theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.2)

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (Phụ lục 1.3)

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2026-2027 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện theo Quyết định số 4120/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh và các văn bản hướng dẫn của UBND phường Đông Gia Nghĩa. Nhà trường xây dựng kế hoạch thời gian cụ thể bảo đảm đủ thời lượng, số tuần thực học theo quy định và phù hợp điều kiện thực tế như sau:

- Ngày tựu trường 24/8/2026.

- Ngày khai giảng vào ngày 05/9/2026

- Học kỳ I: Từ thứ 2 ngày 7/9/2026 đến trước 15/01/2027 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Học kỳ II: Từ ngày 18/01/2026 đến trước ngày 31/5/2027 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác). Kết thúc năm học trước 31/5/2027

- Xét HTCTTH trước ngày 30/5/2027

- Các ngày nghỉ lễ trong năm: Các ngày nghỉ lễ, tết được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn hằng năm.

+ Lễ Quốc Khánh 2/9;

- + Ngày Văn hóa Việt Nam 24/11/2026;
- + Tết Dương Lịch 1/1/2027;
- + Tết Nguyên Đán;
- + Giỗ Tổ Hùng Vương;
- + Ngày Giải phóng miền Nam - Thống nhất đất nước;
- + Ngày Quốc tế Lao động.

4. Tại trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân thời gian thực hiện chương trình năm học 2026 - 2027 cụ thể như sau: (Phụ lục 1.4)

VI. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Đảm bảo đầy đủ thiết bị dạy học theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về danh mục Thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học. Mua sắm, trang bị 100% thiết bị dạy học tối thiểu và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học; kiên quyết không để tình trạng “thiết bị đến trường mà không ra lớp”.

Trang bị đường truyền internet, đảm bảo các giờ học ứng dụng công nghệ thông tin và dạy học, hội họp trực tuyến. Tiếp tục xây dựng Lớp học số; kho học liệu số, bài giảng số các môn học và hoạt động giáo dục của nhà trường để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả.

2. Công tác xây dựng đội ngũ

a) Giáo dục chính trị, tư tưởng

Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; củng cố kết quả cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục; tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

Xây dựng Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong đơn vị.

Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, gương mẫu, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo. Thực hiện các quy định về những hành vi giáo viên không được làm theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Thường xuyên triển khai các quy định về dạy thêm, học thêm; giáo viên thực hiện cam kết không vi phạm quy định về dạy thêm; xử lý nghiêm khắc các cá nhân dạy thêm trái quy định.

b) Nâng cao chất lượng đội ngũ:

Rà soát trình độ, năng lực cán bộ quản lý; xây dựng lộ trình đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch đội ngũ kế cận. Đánh giá cán bộ quản lý theo chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; tạo nguồn 01–02 giáo viên quy hoạch chức danh Phó Hiệu trưởng; giao nhiệm vụ, tạo điều kiện rèn luyện năng lực quản lý chuyên môn và quản trị nhà trường.

Quản lý, đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo tiêu chuẩn nghề nghiệp; rà soát biên chế, tuyển dụng nhân viên, bảo đảm đủ số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018.

Tăng cường bồi dưỡng chương trình, sách giáo khoa, phương pháp và kỹ thuật dạy học, ứng dụng phần mềm, thiết bị dạy học hiện đại; thực hiện nghiêm túc bồi dưỡng thường xuyên, triển khai hiệu quả các chuyên đề của Sở. Đổi mới sinh hoạt tổ, khối chuyên môn thông qua dự giờ, nghiên cứu bài học, trao đổi, góp ý và hỗ trợ đồng nghiệp.

Tạo điều kiện để giáo viên, nhân viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ quản lý, phòng cháy chữa cháy, chức danh nghề nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với bảo mẫu, cấp dưỡng và các nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ khác theo yêu cầu.

3. Thực hiện Quy chế sinh hoạt chuyên môn

Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, tổ chuyên môn và giáo viên theo Chương trình GDPT 2018, phù hợp điều kiện thực tế, đối tượng học sinh; bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng quy định chương trình.

Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn theo hướng thiết thực, hiệu quả; tăng cường nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn và thống nhất các giải pháp nâng cao phẩm chất, năng lực học sinh.

Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh; đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng vì sự tiến bộ, chú trọng đánh giá thường xuyên, kịp thời hỗ trợ học sinh còn khó khăn.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý, dạy học, sinh hoạt chuyên môn và kiểm tra, đánh giá; khai thác hiệu quả học liệu, thiết bị và phương tiện dạy học.

Thực hiện kiểm tra, dự giờ, thao giảng, chuyên đề và kiểm tra nội bộ theo kế hoạch; chú trọng tư vấn, hỗ trợ, rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả dạy học.

Tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh; kịp thời trao đổi, thống nhất biện pháp hỗ trợ, nhất là học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Đẩy mạnh thi đua “Dạy tốt - Học tốt”, khuyến khích đổi mới, sáng tạo; phát huy kết quả đạt được, nâng cao chất lượng giáo dục và duy trì các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia..

VII. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm chung trước cấp có thẩm quyền về tổ chức, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của nhà trường; chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu của kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026–2027.

Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục và địa phương; phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các bộ phận trong nhà trường.

Chỉ đạo, điều hành và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục; thường xuyên theo dõi tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, các bộ phận và cá nhân; kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Chỉ đạo thực hiện công tác tổ chức cán bộ, quản lý đội ngũ, xây dựng tập thể đoàn kết, dân chủ, kỷ cương; thực hiện công khai, minh bạch và phát huy trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ.

Chỉ đạo công tác kiểm tra nội bộ trường học; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận, cá nhân theo quy định; kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân thực hiện tốt và chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót.

Chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ hoạt động giáo dục.

Phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh và các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục; đặc biệt quan tâm công tác quản lý, điều hành nhà trường sau sáp nhập và tổ chức hoạt động tại các điểm trường.

2. Phó hiệu trưởng

2.1. Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn

Tham mưu Hiệu trưởng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định; hướng dẫn các tổ chuyên môn, giáo viên thực hiện đúng chương trình, nội dung và kế hoạch giáo dục năm học.

Chỉ đạo, điều hành hoạt động chuyên môn của các tổ chuyên môn; tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, thao giảng, nghiên cứu bài học và các hoạt động nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục học sinh.

Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và giáo dục; việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động chuyên môn của tổ, giáo viên theo kế hoạch; kịp thời phát hiện những khó khăn, hạn chế, tham mưu Hiệu trưởng các giải pháp phù hợp.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý chuyên môn, dạy học và giáo dục; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác chuyên môn theo quy định.

2.2. Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất

Tham mưu Hiệu trưởng quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học và các điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường tại các điểm trường.

Theo dõi, kiểm tra hiện trạng cơ sở vật chất; kịp thời phát hiện, đề xuất sửa chữa, bảo trì, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học và các điều kiện bảo đảm an toàn trường học.

Phối hợp với các tổ chuyên môn, bộ phận liên quan trong việc quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản, thiết bị dạy học; thực hiện kiểm kê, theo dõi và cập nhật hồ sơ tài sản theo quy định.

Tham mưu xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất; phối hợp triển khai các hạng mục được phê duyệt, bảo đảm thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Theo dõi công tác vệ sinh trường lớp, cảnh quan, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn trường học và các điều kiện phục vụ hoạt động dạy học, giáo dục; kịp thời báo cáo Hiệu trưởng những vấn đề phát sinh để chỉ đạo giải quyết.

3. Tổ trưởng chuyên môn

Phát huy vai trò, nhiệm vụ của tổ trưởng trong công tác quản lý thành viên.

Xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ theo quy định; hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học phù hợp với mục tiêu chương trình và điều kiện thực tế nhằm nâng cao chất lượng học sinh.

Đổi mới sinh hoạt chuyên môn, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

4. Tổng phụ trách Đội và các đoàn thể

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định; phối hợp cùng với nhà trường thực hiện các nhiệm vụ chính trị và các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch giáo dục năm học 2026-2027.

Phối hợp cùng nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động, phong trào thi đua, các hoạt động giáo dục học sinh; tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và công tác xã hội hóa giáo dục.

Tham gia đóng góp các ý kiến xây dựng và cải tiến chất lượng công tác của nhà trường.

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ mỗi tổ chức và thực hiện các quy chế, nội quy quy định của đơn vị.

5. Giáo viên chủ nhiệm

Không ngừng đổi mới phương pháp dạy, học phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, dạy theo hướng cụ thể hóa, cá thể hóa tác động tích cực, cụ thể đến các đối tượng học sinh. Vận dụng linh hoạt các hình thức dạy học, phương pháp dạy học trong mỗi tiết học, môn học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

Nắm vững đối tượng học sinh, triển khai, thực hiện giảng dạy các môn học theo quy định trong giai đoạn phòng chống dịch bệnh một cách phù hợp và đảm bảo cho học sinh chất lượng cần thiết trong quá trình truyền đạt nội dung bài dạy.

Giáo viên chủ nhiệm tăng cường các biện pháp quản lý học sinh, cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu và đánh giá học sinh theo quy định; thông báo, trao đổi kịp thời cho cha mẹ học sinh về công tác của nhà trường trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục năm học và các kế hoạch về công tác phòng, chống tai nạn thương tích, dịch bệnh ở người.

Xây dựng kế hoạch cá nhân, triển khai, thực hiện nhiệm vụ của bản thân theo sự phân công của Hiệu trưởng; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc của nhà trường; phối hợp chặt chẽ với tổ chức, cá nhân trong nhà trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại lớp mình phụ trách.

6. Giáo viên phụ trách môn học

Không ngừng đổi mới phương pháp dạy, học phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, dạy theo hướng cụ thể hóa, cá thể hóa tác động tích cực, cụ thể đến các đối tượng học sinh. Vận dụng linh hoạt các hình thức dạy học, phương pháp dạy học trong mỗi tiết học, môn học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

Nắm vững đối tượng học sinh, triển khai, thực hiện giảng dạy các môn học theo quy định trong giai đoạn phòng chống dịch bệnh một cách phù hợp và đảm bảo cho học sinh chất lượng cần thiết trong quá trình truyền đạt nội dung bài dạy.

Xây dựng kế hoạch cá nhân, triển khai, thực hiện nhiệm vụ của bản thân theo sự phân công của Hiệu trưởng; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc

của nhà trường; phối hợp chặt chẽ với tổ chức, cá nhân trong nhà trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học mình phụ trách.

7. Nhân viên

Triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch năm học của nhà trường.

Tham mưu cho Hiệu trưởng về các kế hoạch theo từng lĩnh vực chuyên môn được giao theo đúng quy định.

Phối hợp chặt chẽ với giáo viên, các bộ phận chuyên môn và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2026-2027. Kế hoạch được thông qua tại Hội nghị công chức, viên chức, người lao động đầu năm học. Các đoàn thể, bộ phận, tổ chuyên môn, tổ văn phòng và cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc, các bộ phận, cá nhân báo cáo nhà trường để được hướng dẫn, điều chỉnh cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Phòng VHXH (báo cáo);
- CB, GV, NV nhà trường (thực hiện)
- Các Tổ CM, Tổ VP (phối hợp thực hiện)
- Lưu: Văn thư.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hải Yến

PHỤ LỤC 1.1
PHÂN PHỐI THỜI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (HKI - 18 TUẦN; HKII – 17 TUẦN)

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
1. Môn học bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	GD thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
7	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
8	Tin học và Công nghệ	35	18	17	35	18	17	70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	LS&ĐL										70	36	34	70	36	34
10	Khoa học										70	36	34	70	36	34
11	Ngoại ngữ	70	36	34	70	36	34	140	72	68	140	72	68	140	72	68
12	Độc thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17

2. Hoạt động củng cố, tăng cường																
13	Tăng cường Tiếng Việt	70	36	34	70	36	34	70	36	34	35	18	17	35	18	17
14	Tăng cường Toán	35	18	17	35	18	17	35	18	17						
Tổng		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544
Tổng số tiết/tuần		1120 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần			1120 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần			1120 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần			1120 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần			1120 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần		
Số buổi dạy/tuần		9 buổi/tuần			9 buổi/tuần			9 buổi/tuần			9 buổi/tuần			9 buổi/tuần		

PHỤ LỤC 1.2
CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TẬP THỂ THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9,10	Tìm hiểu truyền thống nhà trường	- Tuyên truyền giáo dục truyền thống của nhà trường - Phát động phong trào nuôi heo đất - Triển khai chuyên đề ATGT - Thành lập đội nghi thức - Đại hội Liên - Chi đội TNTP Hồ Chí Minh - Giao lưu kể chuyện theo sách nhân kỉ niệm ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	Tập trung	Lồng ghép trong tiết HĐTN đầu tuần	Toàn trường	Liên Đội; GVCN; Hội cha mẹ học sinh trường
Tháng 11	Tôn sư trọng đạo	- Tọa đàm kỉ niệm ngày Nhà giáo VN - Tổ chức hội thi Trang vẽ tranh trang trí hành lang lớp học chào mừng ngày nhà giáo VN 20/11.	Tập trung	19/11/2026	Toàn trường	GVCN, Hội cha mẹ học sinh trường
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Tổ chức sinh hoạt 22/12, sinh hoạt ngoại khóa chủ đề truyền thống về anh bộ đội Cụ Hồ. - Thăm tặng quà các chú bộ đội. - Thi “ Hùng biện tiếng Anh”	Tập trung	18/12/2026	Toàn trường	TPT Đội GV tiếng Anh
Tháng 1,2	Mừng Đảng, mừng xuân	- Tổ chức hoạt động ngoại khóa tìm hiểu về tết cổ truyền - Ngày Hội mừng Xuân	Theo lớp	2/2027	GV,HS các lớp	TPT Đội Hội cha mẹ học sinh các lớp
Tháng 3	Mẹ và cô	- Sinh hoạt ngoại khóa chủ đề ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 - Ngày hội thiếu nhi vui khỏe tiến bước lên Đoàn - Thi Sản phẩm sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng - Vẽ tranh trang trí hành lang lớp học.	Tập trung	8/3/2027 23/3/2027	Toàn trường	Đội, GVCN
Tháng	Bác Hồ kính	- Tổ chức sinh hoạt theo chủ đề ca ngợi vẻ đẹp	Theo lớp	28/4/2027	GV,HS các	Đội, GVCN

4,5	yêu	quê hương đất nước và mừng ngày chiến thắng 30/4 - Sinh hoạt kỉ niệm ngày sinh Bác Hồ 19/5		18/5/2027	lớp	
-----	-----	--	--	-----------	-----	--

PHỤ LỤC 1.3
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHO HỌC SINH SAU GIỜ HỌC CHÍNH THỨC TRONG NGÀY
(THEO NHU CẦU NGƯỜI HỌC)

Nội dung	Hoạt động	Đối tượng	Thời gian	Người hướng dẫn
- Câu lạc bộ Tiếng Việt - Câu lạc bộ Toán	- Phát triển kỹ năng nghe, nói đọc, viết ; Luyện viết chữ đẹp. - Phát triển năng lực toán học	Học sinh khối 1,2	Chiều thứ Năm hàng tuần	- GVCN - GVCN
- Câu lạc bộ Tiếng Việt - Câu lạc bộ Toán	- Phát triển kỹ năng nghe, nói đọc, viết ; Luyện viết chữ đẹp. - Phát triển năng lực toán học.	Học sinh khối 3,4,5.	Chiều thứ Sáu hàng tuần	- GVCN - GVCN
- Câu lạc bộ Tiếng Anh	- Phát triển kỹ năng nghe, nói đọc, viết - Phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh	Học sinh khối 3,4,5.	Chiều thứ Sáu hàng tuần	- GV tiếng Anh

PHỤ LỤC 1.4
THỜI GIAN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO TUẦN/THÁNG TRONG NĂM HỌC VÀ SỐ LƯỢNG TIẾT HỌC,
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỰC HIỆN THEO TUẦN NĂM HỌC 2026 - 2027

KHỐI	LỚP	TIẾT	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU	
			SÁNG	CHIỀU	SÁNG	CHIỀU	SÁNG	CHIỀU	SÁNG	CHIỀU	SÁNG	CHIỀU
KHỐI 1	1A1	1	CHÀO CỜ	Tiếng Việt	Tiếng Việt	GDTC	Toán	Ôn- L	Tiếng Việt	Tiếng việt	A/văn-Tr	
		2	Toán	Tiếng việt	Tiếng việt	Mĩ thuật	Tiếng việt	Tin học-L	Tiếng Việt	Tiếng việt	A/văn-Tr	
		3	Tiếng việt	Ôn tập	Toán	TNXH-T	Tiếng việt	Đ/đức-L	HĐTN	SHL	TNXH-T	
		4	Tiếng việt		Đọc - H		Ôn tập		Â/nhạc-M		GDTC	
	1A2	1	CHÀO CỜ	A/văn-Tr	Tiếng Việt	Mĩ thuật	Tiếng Việt	Toán	GDTC	Tiếng Việt	Tiếng Việt	
		2	Toán	A/văn-Tr	Tiếng việt	TNXH-T	Tiếng việt	Tiếng việt	Tin học-L	Tiếng việt	Ôn tập- T	
		3	Tiếng việt	Ôn- L	Đọc	GDTC	Ôn tập	Tiếng Việt	Â/nhạc-M	Đ/đức-L	Tiếng Việt	
		4	Tiếng việt		Toán		HĐTN		TNXH-T		SHL	
	1A3	1	CHÀO CỜ	Tiếng Việt	Toán	Â/nhạc-Hg	Đ/đức-Q	Tiếng Việt	Toán	Tnxb-Hóa	Tin học	
		2	Toán	Tiếng việt	Đọc - Đ	Tnxb-Hóa	Mĩ thuật	Tiếng việt	Tiếng việt	A/văn-H	Tiếng việt	
		3	Tiếng việt	Ôn tập	Tiếng việt	GDTC	Ôn-Cư	Ôn tập	Tiếng việt	A/văn-H	Tiếng việt	
		4	Tiếng việt		Tiếng việt		GDTC		HĐTN		SHL	
	1A4	1	CHÀO CỜ	Toán	Tiếng Việt	Tnxb-Hóa	Â/nhạc-Hg	Tiếng việt	Toán	GDTC	Đạo đức-U	
		2	Toán	Tiếng việt	Tiếng việt	A/văn-H	GDTC	Tiếng việt	Tiếng việt	Ôn-Hóa	Tin học	
		3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	HĐTN-Đ	A/văn-H	Ôn tập- Q	Ôn tập	Tiếng Việt	Tnxb-Hóa	Tiếng việt	
		4	Tiếng việt		Đọc-Yến		Mĩ thuật		Tiếng việt		SHL	
	2A1	1	CHÀO CỜ	Ôn- L	Toán	A/văn-Tr	Toán	Tiếng Việt	Â/nhạc-T	Toán	Toán	
		2	Toán	Đ/đức-L	Tiếng việt	A/văn-Tr	Tiếng việt	HĐTN	TNXH-T	Tiếng việt	Tiếng việt	
		3	Tiếng việt	GDTC	Tiếng việt	Mĩ thuật	Tiếng việt	Đọc - Tâm	GDTC	Tiếng việt	SHL	
		4	Tiếng việt		Ôn tập		Ôn tập		Tin học-L		TNXH-T	
	2A2	1	CHÀO CỜ	Toán	Mĩ thuật	Toán	Ôn- L	Toán	Toán	GDTC	Tiếng Việt	
		2	Toán	Tiếng việt	GDTC	Tiếng việt	Tin học-L	Tiếng việt	Tiếng việt	Đ/đức-L	Đọc Tr	
		3	Tiếng việt	Ôn tập	Â/nhạc-T	Tiếng việt	A/văn.U	Tiếng Việt	Tiếng việt	TNXH-T	Ôn tập	

KHỐI 3		4	Tiếng việt		TNXH-T		A/văn.U		HĐTN		SHL	
		2A3	1	CHÀO CỜ	Tiếng Việt	Â/nhạc-T	Tiếng việt	A/văn.U	Toán	Toán	Đ/đức-L	Toán
			2	Độc - Lịch	Tiếng việt	TNXH-T	Tiếng việt	A/văn.U	Tiếng việt	Tiếng việt	TNXH-T	Tiếng việt
			3	Toán	Ôn tập	Mĩ thuật	Toán	Ôn-L	Tiếng việt	Tiếng việt	GDTC	Ôn tập
			4	Tiếng việt		GDTC		Tin học-L		HĐTN		SHL
		2A4	1	CHÀO CỜ	Toán	Tin học	Toán	Tiếng việt	Toán	Ôn-Hóa	A/văn-H	Toán
			2	Toán	Tiếng việt	Tnxx-Hóa	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tnxx-Hóa	Mĩ thuật	Tiếng việt
			3	Tiếng việt	Ôn tập	A/văn-H	Tiếng việt	Độc-Yên	HĐTN	Â/nhạc.N	GDTC	Ôn tập - Hả
			4	Tiếng việt		GDTC		Tiếng việt		Đ/đức.N		SHL
		2A5	1	CHÀO CỜ	Toán	Toán	Tin học	Toán	Toán	Â/nhạc.N	Tiếng việt	Mĩ thuật
			2	Toán	HĐTN	Tiếng việt	GDTC	Tiếng việt	Tiếng việt	Đ/đức.N	Tiếng việt	Tnxx-Hóa
			3	Tiếng việt	Ôn tập	Độc	Tnxx-Hóa	Tiếng việt	Tiếng việt	Ôn-Hóa	SHL	A/văn.U
			4	Tiếng việt		Tiếng việt		Ôn tập		GDTC		A/văn.U
	KHỐI 3	3A1	1	CHÀO CỜ	CN -Hóa	GDTC	Toán	Độc - H	Toán	Mĩ thuật	Toán	TNXH-T
			2	Toán	Đ/đức-T	Tin học-L	Tiếng việt	Tiếng việt	Â/nhạc-M	GDTC	Ôn tập	Tiếng Việt
			3	Tiếng việt	TNXH-T	A/văn.U	Tiếng việt	Tiếng việt	Ôn tập	A/văn.U	HĐTN - H	Toán
			4	Tiếng việt		A/văn.U		Ôn tập		A/văn.U		SHL
		3A2	1	CHÀO CỜ	TNXH	A/văn.U	Toán	Toán	CN -Hóa	A/văn.U	Tiếng việt	Toán
			2	Toán	HĐTN	A/văn.U	Tiếng việt	Tiếng việt	Đ/đức-T	A/văn.U	Toán	Tiếng việt
			3	Độc - Lịch	Ôn tập	GDTC	Tiếng việt	Tiếng Việt	Â/nhạc-M	Mĩ thuật	TNXH	Ôn tập
			4	Tiếng việt		Tin học-L		Ôn tập		GDTC		SHL
		3A3	1	CHÀO CỜ	Đ/đức.N	Toán	A/văn.U	GDTC	HĐTN	Toán	Mĩ thuật	Toán
			2	Toán	GDTC	Tiếng việt	Tin học	Toán	Ôn tập	Tiếng việt	A/văn.U	Tiếng việt
			3	Tiếng việt	A/văn.U	Ôn tập	Â/nhạc-Hg	Tiếng việt	TNXH	Ôn tập	A/văn.U	SHL
			4	Tiếng việt		TNXH		Tiếng việt		Độc		CN -Hóa
		3A4	1	CHÀO CỜ	A/văn.U	Toán	GDTC	Toán	Â/nhạc-Hg	Toán	Tiếng việt	CN -Hóa

KHỐI 4		2	Toán	A/văn.U	Tiếng việt	A/văn.U	Tiếng việt	Tin học	Tiếng việt	Ôn tập	Mĩ thuật	
		3	Tiếng việt	GDTC	Ôn tập	A/văn.U	Tiếng việt	Đ/đức.N	Ôn tập	TNXH	Toán	
		4	Tiếng việt		TNXH		HĐTN		Độc		SHL	
	4A1	1	CHÀO CỜ	Độc - H	Tin học-L	Toán	Toán	GDTC	Toán	Đ/đức-T	Toán	
		2	Toán	Khoa học	Mĩ thuật	Tiếng việt	Tiếng việt	CN -Hóa	Tiếng việt	Â/nhạc-M	GDTC	
		3	Tiếng việt	Lsử & Đlí	A/văn-Tr	HĐTN	Tiếng việt	A/văn-Tr	Khoa học	A/văn-Tr	Tiếng việt	
		4	Tiếng việt		A/văn-Tr		Lsử & Đlí		Ôn tập		SHL	
	4A2	1	CHÀO CỜ	Khoa học	A/văn-Tr	Toán	Toán	Đ/đức-T	Toán	A/văn-Tr	Toán	
		2	Toán	Lsử & Đlí	A/văn-Tr	Tiếng việt	Lsử & Đlí	GDTC	Tiếng việt	A/văn-Tr	Tiếng việt	
		3	Tiếng việt	Độc - H	Tin học-L	Khoa học	Tiếng việt	CN -Hóa	Ôn tập	Â/nhạc-M	GDTC	
		4	Tiếng việt		Mĩ thuật		Tiếng việt		HĐTN		SHL	
	4A3	1	CHÀO CỜ	A/văn-H	Độc	A/văn-H	Toán	Tiếng việt	A/văn-H	Toán	GDTC	
		2	Toán	Mĩ thuật	Toán	Â/nhạc-Hg	Tiếng việt	Khoa học	A/văn-H	Khoa học	Toán	
		3	Tiếng việt	Đ/đức.N	Tiếng việt	Tin học	Tiếng việt	Ôn tập	GDTC	Lsử & Đlí	Tiếng việt	
		4	Tiếng việt		HĐTN		Lsử & Đlí		CN -Hóa		SHL	
	4A4	1	CHÀO CỜ	Độc	CN -Hóa	Toán	Toán	Đ/đức.N	Toán	Toán	A/văn-H	
		2	Toán	Khoa học	Tin học	Tiếng việt	Tiếng việt	Â/nhạc-Hg	Tiếng việt	Tiếng việt	A/văn-H	
		3	Tiếng việt	Lsử & Đlí	GDTC	Khoa học	Tiếng việt	A/văn-H	Tiếng Việt	SHL	Mĩ thuật	
		4	Tiếng việt		A/văn-H		HĐTN		Lsử & Đlí		GDTC	
	5A1	1	CHÀO CỜ	Đ/đức-T	Toán	Tiếng việt	Toán	A/văn-Tr	Tin học-L	Toán	Toán	
		2	Toán	GDTC	Độc	Tiếng việt	Tiếng việt	A/văn-Tr	Mĩ thuật	HĐTN	Tiếng việt	
		3	Tiếng việt	CN -Hóa	Tiếng việt	Â/nhạc-M	Khoa học	GDTC	A/văn-Tr	Lsử & Đlí	Khoa học	
		4	Tiếng việt		Ôn tập		Lsử & Đlí		A/văn-Tr		SHL	
	5A2	1	CHÀO CỜ	GDTC	Toán	Đ/đức-T	Toán	HĐTN	A/văn-Tr	Toán	GDTC	
		2	Toán	CN -Hóa	Tiếng việt	Â/nhạc-M	Ôn tập	Tiếng việt	A/văn-Tr	Độc - Huyền	Tiếng việt	
		3	Tiếng việt	A/văn-Tr	Khoa học	A/văn-Tr	Tiếng việt	Khoa học	Tin học-L	Lsử & Đlí	Toán	

		4	Tiếng việt		Lsử & Đlí		Tiếng việt		Mĩ thuật		SHL	
	5A3	1	CHÀO CỜ	Mĩ thuật	GDTC	Toán	Toán	Tiếng việt	GDTC	Toán	Toán	
		2	Toán	A/văn-H	KH-Cư	Tiếng Việt	Tiếng việt	HĐTN	KH-Cư	Tiếng việt	SHL	
		3	Tiếng việt	A/văn-H	Tin học	Lsử & Đlí	Tiếng việt	Lsử & Đlí	A/văn-H	Ôn tập	Đ/đức.N	
		4	Tiếng việt		CN -Hóa		Âm nhạc-Hg		A/văn-H		Đọc - Đ	
	5A4	1	CHÀO CỜ	GDTC	A/văn-H	Toán	Toán	A/văn-H	Tiếng việt	Lsử & Đlí	Toán	
		2	Toán	Đ/đức.N	A/văn-H	Tiếng việt	Tiếng việt	A/văn-H	Tiếng việt	Tiếng việt	GDTC	
		3	Tiếng việt	Mĩ thuật	CN -Hóa	Ôn tập	Lsử & Đlí	Â/nhạc-Hg	Đọc - Đ	Khoa học	Tiếng việt	
		4	Khoa học		Tin học		HĐTN		Toán		SHL	

**BẢNG TỔNG SỐ LƯỢNG TIẾT HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2026- 2027**

1. Đối với lớp 1 - Học kỳ I

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	216
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tự nhiên và xã hội	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đọc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18

Tổng số tiết bắt buộc/tuần	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	468
Tự chọn: Ngoại ngữ 1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tự chọn: Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tăng cường Tiếng Việt	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tăng cường Toán	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

2. Đối với lớp 1 - Học kỳ II

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	204
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tự nhiên và xã hội	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Đọc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	442

buộc/tuần																		
Tự chọn: Ngoại ngữ 1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tự chọn: Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tăng cường Tiếng Việt	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tăng cường Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

3. Đối với lớp 2 - Học kỳ I

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	180
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tự nhiên và xã hội	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đọc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18

Tổng số tiết bắt buộc/tuần	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	468
Tự chọn: Ngoại ngữ 1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tự chọn: Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tăng cường Tiếng Việt	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tăng cường Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

4. Đối với lớp 2 - Học kỳ II

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	170
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tự nhiên và xã hội	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Đọc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17

Tổng số tiết bắt buộc/tuần	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	442
Tự chọn: Ngoại ngữ 1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tự chọn: Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tăng cường Tiếng Việt	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tăng cường Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tự nhiên và xã hội	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36

5.
với
-
kỳ I

Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Độc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	522
Tăng cường Tiếng Việt	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tăng cường Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

Đối
lớp 3
Học

6. Đối với lớp 3 - Học kỳ II

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tự nhiên và xã hội	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Độc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	493
Tăng cường Tiếng Việt	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tăng cường Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

7. Đối với lớp 4 - Học kỳ I

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
LSĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Độc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	558
Tăng cường Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

8. Đối với lớp 4 - Học kỳ II

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
LSĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Độc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	527
Tăng cường Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

9. Đối với lớp 5 - Học kỳ I

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Lịch sử, Địa lí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Công Nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đọc sách thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	558
Tăng cường Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

10. Đối với lớp 5 - Học kỳ II

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Lịch sử, Địa lí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Độc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	527
Tăng cường Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

11. TỔNG HỢP CHUNG

TT	Tên hoạt động	Số tiết lớp 1	Số tiết lớp 2	Số tiết lớp 3	Số tiết lớp 4	Số tiết lớp 5	Ghi chú
1	Tiếng Việt	420	350	245	245	245	
2	Toán	105	175	175	175	175	
3	Đạo đức	35	35	35	35	35	
4	Tự nhiên và xã hội	70	70	70			
5	Giáo dục thể chất	70	70	70	70	70	
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	70	70	70	70	
7	Hoạt động trải nghiệm	105	105	105	105	105	
8	Khoa học				70	70	
9	Lịch sử, Địa lí				70	70	
10	Công nghệ			35	35	35	
11	Ngoại ngữ	70	70	140	140	140	
12	Tin học	35	35	35	35	35	
13	Độc	35	35	35	35	35	
14	HD củng cố tăng cường	105	105	105	35	35	
15	Tổng số tiết học kỳ I	576	576	576	576	576	
18	Tổng số tiết học kỳ II	544	544	544	544	544	